

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2026/LĐ-ST**

Ngày: 09/3/2026

V/v “*Tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Toàn
2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 17/2025/TLST-LĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-LĐ ngày 04/3/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ I, thôn Q, phường L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Công ty TNHH M1; địa chỉ: Lô A, đường số C, KCN H, phường L, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Văn M, chức danh: Tổng Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

2.2. Bà Trịnh Thị Thiên N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn V, phường L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1; địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2026, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Từ tháng 9/2007 đến tháng 8/2008 bà làm việc tại Công ty TNHH Đ và được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, mã số Bảo hiểm xã hội số: 0406012367. Trong thời gian này, bà có cho bà Trịnh Thị Thiên N mượn Chứng minh nhân dân của bà để ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty TNHH M1. Công ty TNHH M1 đã đóng bảo hiểm xã hội với mã số BHXH 0407020308 cho tên Lê Thị Thanh T trong thời gian từ tháng 9/2007 đến tháng 8/2008.

Do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên bà không thể làm chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật được.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Thanh T (do bà Trịnh Thị Thiên N mượn CMND Lê Thị Thanh T để ký kết) với Công ty TNHH M1 trong thời gian từ tháng 9/2007 đến tháng 8/2008 vô hiệu.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu bà không yêu cầu giải quyết gì.

Vì điều kiện công việc và gia đình nên bà không thể tham gia phiên tòa xét xử nên bà đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn Công ty TNHH M1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:

Bà Lê Thị Thanh T, sinh ngày 20/01/1987, số CMND: 201520573, vào làm việc tại công ty ngày 01/8/2007, ngày ký hợp đồng lao động chính thức: 11/9/2007, ngày nghỉ việc: 10/9/2008. Tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 0407020308 từ tháng 9/2007 đến tháng 8/2008.

Công ty đã thực hiện việc tuyển dụng bà T theo đúng quy định của pháp luật và quy trình tuyển dụng của Công ty. Trong thời gian bà T làm việc tại Công ty, Công ty đã thực hiện đóng BHXH theo quy định của Luật BHXH và khi bà T nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật. Công ty không hề biết việc bà Trịnh Thị Thiên N mượn chứng minh nhân dân của bà T để đến giao kết hợp đồng lao động với công ty, nhân danh bà T để ký kết và làm việc tại Công ty TNHH M1. Nên đối với yêu cầu của bà T là “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu”, công ty sẽ tuân theo phán quyết của quý Tòa và không có ý kiến gì về vụ việc này. Về việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên

quan: Công ty C, ký kết hợp đồng lao động với bà T. Tuy nhiên vì bà T đã kết thúc hợp đồng lao động tại công ty đã lâu (trên 5 năm) nên hồ sơ và hợp đồng giấy không còn lưu trữ, chỉ còn thông tin lưu trữ trên máy tính.

Do tính chất công việc nên đại diện công ty xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2026, bị đơn bà Trịnh Thị Thiên N có ý kiến trình bày:

Vào thời gian tháng 9/2007, bà có mượn CMND của chị Lê Thị Thanh T (là chị em ở xóm) để đi xin việc vì bà chưa có CMND. Bà đã dùng CMND của bà Lê Thị Thanh T để xin việc tại Công ty TNHH M1 và đã được Công ty ký kết hợp đồng lao động với tên là Lê Thị Thanh T. Bà đã được đóng Bảo hiểm xã hội với số số là: 0407020308. Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2007 đến tháng 07/2008. Đến hết tháng 8 thì bà nghỉ việc tại Công ty M1. Nay bà Lê Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động do bà đã ký kết (trên hợp đồng là Lê Thị Thanh T) với Công ty M1 vô hiệu thì bà thống nhất với yêu cầu của bà T, không có ý kiến gì. Nay vì điều kiện gia đình không thể đến tham gia các phiên tòa, nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1 vắng mặt và không có ý kiến trình bày:

Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987, CCCD: 048187001198, có các mã số BHXH:

- Mã số BHXH 0406012367 có quá trình tham gia BHXH, Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) tại Công ty TNHH Đ từ tháng 04/2006 đến tháng 08/2011; Thời gian tham gia BHXH đã được nhận chế độ BHXH 1 lần theo Quyết định số 905/2012, ngày 11/9/2012 do BHXH huyện H (cũ) chi trả;

- Mã số BHXH 0407020308 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH M1 từ tháng 09/2007 đến tháng 08/2008; Chưa được giải quyết chế độ BHXH 1 lần;

Hiện nay, bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987, CCCD: 048187001198 đang tham gia BHXH, BHTN tại mã số BHXH 4812034632 từ tháng 09/2012 đến tháng 07/2024.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Thanh T (do bà Trịnh Thị Thiên N mượn CMND Lê Thị Thanh T để ký kết) với Công ty TNHH M1 trong thời gian từ tháng 9/2007 đến tháng 8/2008 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, bị đơn có trụ sở tại phường L, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, đây là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động:* Tại văn bản số: 5169/SNV-LĐVL ngày 28/11/2025 của Sở Nội vụ thành phố Đ trả lời bà Lê Thị Thanh T đề nghị liên hệ Tòa án để thực hiện thủ tục tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Như vậy được xem là quá thời hạn 05 ngày làm việc vụ việc không được tiến hành hòa giải cơ sở, do đó bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 2 và khoản 7 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án:

[4] Bà Trịnh Thị Thiên N vào làm việc tại Công ty TNHH M1 và ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 vào ngày 11/9/2007. Tuy nhiên, khi ký kết hợp đồng lao động thì bà Trịnh Thị Thiên N đã mượn và sử dụng Chứng minh nhân dân số: 201520573 mang tên Lê Thị Thanh T để giao kết hợp đồng. Công ty TNHH

M1 đã đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định và được cấp Sổ Bảo hiểm xã hội, mã số 0407020308 từ tháng 9/2007 đến tháng 8/2008.

[5] Việc bà Trịnh Thị Thiên N mượn giấy tờ nhân thân của bà Lê Thị Thanh T và khai báo thông tin nhân thân không đúng để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 là hành vi vi phạm nguyên tắc: tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo Điều 9, khoản 1 khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 và nguyên tắc “trung thực” theo quy định của khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019 thì hợp đồng lao động do Trịnh Thị Thiên N ký kết (với tên khi giao kết hợp đồng là Lê Thị Thanh T) với Công ty TNHH M1 vô hiệu. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần chấp nhận.

[6] Các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị Thanh T tự nguyện chịu, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Thanh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 9, 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 49, 50, 51, 188, 220 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T đối với Công ty TNHH M1 và bà Trịnh Thị Thiên N về việc “*Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”.

Xử:

1. Tuyên bố hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 8 năm 2008 giữa bà Lê Thị Thanh T (do bà Trịnh Thị Thiên N ký kết) và Công ty TNHH M1 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Án phí lao động sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), bà Lê Thị Thanh T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007721 ngày 26/12/2025 tại Thị hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Thanh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn